

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 07/2021/TLST-DS

Ngày: 28-6-2021

V/v: “Tranh chấp dân sự
kiện đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – LÂM ĐỒNG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Đình Đạo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Thanh Hương

2. Ông Đình Trọng Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ – Lâm Đồng.

Hôm nay vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 28/6/2021 tại Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2021/TLST-DS ngày 12/4/2021 về “*Tranh chấp dân sự kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXX-DS ngày 14/6/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Mai T, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

* Bị đơn: Bà Trà Thị Hồng C “Có mặt tại phiên tòa”

Cùng trú tại địa chỉ; Tổ dân phố B, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Mai T trình bày:

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017 cô C có mượn tôi số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) không trả lãi. Đến ngày 25/3/2018 tiếp tục mượn thêm 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) và đến ngày 20/10/2018 cô C lại mượn thêm 20.000.000đ nữa và hứa bán nhà sẽ trả. Nhưng suốt thời gian bán nhà cô C không trả. Sau ngày 20/2/2019 cô C có trả cho tôi 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và đồng ý trừ cho bà C số tiền 3.100.000đ tôi mua trái cây từ đó đến nay không trả thêm cho tôi lần nào nữa. Do đó tôi khởi kiện yêu cầu toà án buộc cô Trà Thị Hồng C trả cho tôi toàn bộ số tiền còn nợ là 76.900.000đ (*Bảy mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng*).

+ Bị đơn bà Trà Thị Hồng C

Ngày 21/12/2017 tôi có vay của chị T số tiền là 50.000.000đ, tiền lãi hàng tháng là 1.500.000đ và chị T đã cầm của tôi số tiền 10.000.000đ tiền mặt và 04 chân hụi là 7.400.000đ, tiền mua trái cây 3.200.000đ, tiền góp một ngày 200.000đ tổng cộng góp được 17 ngày là 3.400.000đ. Tổng cộng tôi đã trả cho chị T tổng số tiền là

24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng). Hiện nay tôi chỉ thừa nhận là tôi còn nợ chị T số tiền là 26.000.000đ và tôi đồng ý trả cho chị T số tiền 26.000.000đ nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Việc khởi kiện “Tranh chấp dân sự kiện đòi tài sản” của nguyên đơn bà Hoàng Thị Mai T với bị đơn là bà Trà Thị Hồng C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hợp đồng vay tiền được giao kết giữa vợ chồng bà Hoàng Thị Mai T và bà Trà Thị Hồng C ngày 21/12/2017, theo đó bà T cho bà C vay số tiền là 50.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 21/3/2018, lãi suất thỏa thuận của 2 bên mà không ghi cụ thể là bao nhiêu.

Nay nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C phải trả lại toàn bộ số tiền gốc vay là 76.900.000đ (Bảy mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng) vì bà T cho rằng; sau khi vay số tiền 50.000.000đ vào ngày 21/12/2017 thì bà T còn cho bà C vay thêm hai lần nữa cụ thể là:

Ngày 25/3/2018 bà C tiếp tục mượn thêm 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Ngày 20/10/2018 bà C lại mượn thêm 20.000.000đ nữa và hứa bán nhà sẽ trả.

Sau ngày 20/2/2019 bà C có trả cho bà T 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và bà T đồng ý trừ thêm 3.100.000đ tiền mua trái cây của bà C Tổng cộng bà T yêu cầu bà C phải trả 76.900.000đ (Bảy mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng)

Như vậy, qua nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy rằng ngày 21/12/2017 việc bà C có vay của bà T số tiền 50.000.000đ là có thật, hai bên đã thừa nhận và có chữ ký xác nhận của cả hai.

Hai bên cũng đã thừa nhận với nhau rằng việc bà C đã trả cho bà T 10.000.000đ tiền mặt và trừ 3.100.000đ bà T mua trái cây của bà C là có thật, bà T đã thừa nhận và đồng ý trừ cho bà C số tiền này và bà C cũng thừa nhận đã trả số tiền này. Như vậy số tiền 13.100.000đ này hai bên đã thống nhất thỏa thuận được với nhau và không trái quy định của pháp luật nên cần chấp thuận.

Đối với số tiền bà T yêu cầu thêm, bà T cho rằng bà C có vay thêm 02 lần sau cụ thể là:

Ngày 25/3/2018 bà C tiếp tục mượn thêm 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Ngày 20/10/2018 bà C lại mượn thêm 20.000.000đ nữa và hứa bán nhà sẽ trả.

Số tiền này bà T có tự tay ghi vào trong giấy vay nợ nhưng không có chữ ký xác nhận của bà C phía dưới nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với phần ý kiến của bị đơn trình bày

Bà C đã trả cho bà T 10.000.000đ tiền mặt và 04 chân hụi là 7.400.000đ, tiền mua trái cây 3.200.000đ, tiền góp một ngày 200.000đ tổng cộng góp được 17 ngày là 3.400.000đ. Tổng cộng tôi đã trả cho bà T tổng số tiền là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Đối với số tiền 10.000.000đ và 3.100.000đ tiền mua trái cây, tuy không có giấy tờ ký nhận gì hợp lệ giữa hai bên, nhưng số tiền này cả 2 bên đương sự đều thừa nhận là đã nhận, do đó cần chấp nhận là bà C đã trả cho bà T số tiền 13.100.000đ này là phù hợp. Còn lại việc bà C trình bày trả cho bà T 04 chân hụi là 7.400.000đ, tiền mua trái cây

3.200.000đ, tiền góp một ngày 200.000đ tổng cộng góp được 17 ngày là 3.400.000đ là không có cơ sở chấp nhận vì chứng cứ của bà C giao nộp là 01 tờ giấy liệt kê việc bán trái cây nhưng không có chữ ký của người mua và người bán. Do đó chứng cứ và lời khai của bà C về các khoản tiền này là không có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ các bên đương sự cung cấp, căn cứ vào lời khai của các bên đương sự trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay nhận thấy rằng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí:

Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền bị buộc phải trả cho nguyên đơn là phù hợp với Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà T chỉ được chấp nhận một phần yêu cầu, do đó nguyên đơn phải chịu phần án phí không được chấp nhận là phù hợp với Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về các lễ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 463; 466 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Mai T

Buộc bà Trà Thị Hồng C phải trả số tiền 36.900.000đ (Ba mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng) cho bà Hoàng Thị Mai T. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS”.

2. Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Buộc bị đơn bà Trà Thị Hồng C phải nộp 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc nguyên đơn bà Hoàng Thị Mai T phải nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002058 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh lâm Đồng.

Trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Đình Đạo

*Còn phân tách nghĩa vụ của từng người nữa, thứ 2 bổ sung
Xem lại điều luật để chính xác hơn*

